

CÔNG ĐOÀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **462**/QĐ-CDVNPT-CS

Hà Nội, ngày **18** tháng **7** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Phương án sắp xếp, hợp nhất công đoàn cơ sở
trực thuộc Công đoàn VNPT**

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Công đoàn Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025;

Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam Khóa XIII và Hướng dẫn thi hành Điều lệ số 38/HD-TLĐ ngày 27/12/2024;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-CDDBĐ ngày 04/02/2015 của Ban Thường vụ Công đoàn Bưu điện Việt Nam (nay là Công đoàn Khoa học và Công nghệ Việt Nam) về việc thành lập Công đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT);

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-BCH ngày 24/6/2025 hội nghị Ban Chấp hành Công đoàn VNPT lần thứ 7, khóa II, nhiệm kỳ 2023-2028;

Căn cứ Nghị quyết 03-NQ/ĐUTĐ ngày 01/7/2025 của Đảng ủy Tập đoàn tại Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn tháng 6/2025;

Căn cứ Công văn số 143/CDKHHCN-TCKT ngày 09/7/2025 của Công đoàn Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc phương án sắp xếp, hợp nhất công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn VNPT;

Theo đề nghị của Ban Chính sách Công đoàn VNPT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án sắp xếp, hợp nhất công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn VNPT.

Điều 2. Các công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn VNPT có trách nhiệm triển khai thực hiện Phương án sắp xếp, hợp nhất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban, Kế toán trưởng Công đoàn VNPT và các công đoàn cơ sở trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công đoàn KH&CN Việt Nam;
- Đảng ủy Tập đoàn;
- Tổng giám đốc Tập đoàn;
- UV BCH, UBKT CDVNPT;
- Đảng ủy, TGD/GĐ các đơn vị;
- Lưu CS, VP.

Số EOF: 594063 - VBĐT

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

PHƯƠNG ÁN

Sắp xếp, hợp nhất công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn VNPT

(Ban hành kèm theo Quyết định số **462/QĐ-CDVNPT-CS** ngày **18** tháng **7** năm 2025)

1. Nguyên tắc sắp xếp, hợp nhất

- Mô hình hoạt động của tổ chức công đoàn phù hợp với mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tập đoàn và các quy định của Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam khoá XIII.
- Đảm bảo nguồn lực, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn các cấp, tăng cường trao quyền, hướng hoạt động về cơ sở, lấy đoàn viên, người lao động làm trung tâm.
- Trong quá trình sắp xếp, hợp nhất không để gián đoạn hoạt động công đoàn, đặc biệt là công tác chăm lo cho người lao động và đồng hành cùng chuyên môn hoàn thành nhiệm vụ SXKD, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động.

2. Phương án sắp xếp, hợp nhất công đoàn cơ sở

- Hiện nay, Công đoàn VNPT có 99 công đoàn cơ sở (CĐCS) trực thuộc với hơn 47 nghìn đoàn viên công đoàn, người lao động. Theo mô hình tổ chức SXKD mới của Tập đoàn, Công đoàn VNPT sẽ tiến hành sắp xếp, hợp nhất, còn lại 70 CĐCS, trong đó bao gồm 34 CĐCS VNPT tỉnh, thành phố (VNPT TTP) và 36 CĐCS các tổng công ty, công ty, bệnh viện, Cơ quan tập đoàn, Trung tâm phát triển nguồn nhân lực và khối công ty cổ phần. (Danh sách chi tiết tại Phụ lục 1).
- Căn cứ Luật Công đoàn 2024, Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XIII và hướng dẫn thi hành Điều lệ, Công đoàn VNPT ban hành mô hình tổ chức CĐCS trực thuộc, chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo. Trên cơ sở đó các CĐCS tổ chức thực hiện như sau:

2.1. Đối với Công đoàn 11 VNPT TTP giữ nguyên, không thực hiện hợp nhất (Hà Nội, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế) **và 36 CĐCS các tổng công ty, công ty, bệnh viện, cơ quan tập đoàn, trung tâm phát triển nguồn nhân lực và khối công ty cổ phần:**

- Giữ nguyên về tên gọi, trụ sở, nhiệm kỳ, Ban Chấp hành (BCH), Ban Thường vụ (BTV), Ủy ban kiểm tra (UBKT) và các chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch, Chủ nhiệm UBKT (theo Đề án nhân sự Đại hội CĐCS nhiệm kỳ 2023-2028 đã được Công đoàn VNPT phê duyệt và thông qua tại Đại hội).
- Thực hiện điều chỉnh mô hình công đoàn trực thuộc, kiện toàn BCH, BTV, UBKT, cán bộ công đoàn phù hợp với mô hình tổ chức SXKD của đơn vị. Căn cứ mô hình tổ chức công đoàn tại Phụ lục 2 và văn bản số 693/CDVNPT-CS ngày 05/9/2024 của Công đoàn VNPT về việc kiện toàn BCH, BTV, UBKT và các chức

danh cán bộ công đoàn, CDCS xây dựng phương án tổ chức tại đơn vị, báo cáo Đảng ủy cùng cấp và trình Công đoàn VNPT phê duyệt (nếu có).

2.2. Đối với Công đoàn các VNPT TTP thực hiện hợp nhất:

Công đoàn VNPT thành lập Tổ công tác xây dựng phương án hợp nhất Công đoàn VNPT TTP (gọi tắt là Tổ công tác). Thành phần Tổ công tác bao gồm BTV Công đoàn các VNPT TTP hợp nhất, trong đó Chủ tịch công đoàn VNPT TTP, nơi là trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh mới (nơi đặt trụ sở chính) là Tổ trưởng, các Chủ tịch Công đoàn VNPT TTP còn lại là Tổ phó. Tổ trưởng tổ công tác được ký các văn bản và sử dụng con dấu của Công đoàn VNPT TTP nơi đặt trụ sở chính. Tổ công tác có nhiệm vụ cụ thể như sau:

* **Bước 1:** Xây dựng phương án hợp nhất với các nội dung chính sau đây:

- Tên gọi: Công đoàn VNPT TTP mới sau sắp xếp của Tập đoàn.
- Trụ sở làm việc: tại trụ sở chính của VNPT TTP mới.
- Nhiệm kỳ hoạt động: kế thừa nhiệm kỳ của tổ chức công đoàn mang tên VNPT TTP mới.
- Mô hình tổ chức: theo nguyên tắc tại Phụ lục 2 và phù hợp với mô hình tổ chức sản xuất của VNPT TTP mới.
- Số lượng đoàn viên: là tổng số đoàn viên của các đơn vị sau hợp nhất.
- Về tài chính công đoàn: là số liệu tài chính công đoàn tích lũy của các đơn vị tại thời điểm hợp nhất.

- Xây dựng đề án nhân sự gồm:

+ Cơ cấu, số lượng BCH, BTV, UBKT, chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch, Chủ nhiệm UBKT Công đoàn VNPT TTP sau hợp nhất và nhân sự công đoàn tại CĐCSTV, CĐBP, Tổ CĐ. BCH công đoàn các cấp cần đảm bảo cơ cấu đại diện của công đoàn cấp dưới và đoàn viên công đoàn theo các lĩnh vực, địa bàn, để đáp ứng yêu cầu xây dựng phong trào công nhân, công đoàn trong thời gian tới; kịp thời triển khai tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và tổ chức công đoàn đến đoàn viên, người lao động. Phần đầu ban chấp hành công đoàn các cấp có đủ 3 độ tuổi: Dưới 40 tuổi phần đầu đạt 10% trở lên, từ 40 tuổi đến 50 tuổi đạt từ 40%-50%, để đảm bảo tính kế thừa, phát triển; phần đầu tỉ lệ nữ tham gia ban chấp hành đạt khoảng 30%.

+ Về tiêu chuẩn, điều kiện cán bộ tham gia BCH, BTV, UBKT: Theo Quyết định số 2860/QĐ-TLĐ ngày 03/3/2025 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý công đoàn các cấp, hướng dẫn số 453/HD-CĐVNPT ngày 11/8/2022 về công tác nhân sự Đại hội công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2023-2028 và công văn số 938/CĐVNPT-CS ngày 11/12/2024 của Công đoàn VNPT về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của tổ chức công đoàn.

+ Bố trí cán bộ công đoàn chuyên trách, nếu có (điều kiện, tiêu chuẩn tại Phụ lục 3).

(Mẫu Phương án hợp nhất tại Phụ lục 4).

* **Bước 2:** Tổ công tác trình Đảng ủy VNPT TTP mới phê duyệt phương án hợp nhất.

* **Bước 3:** Tổ công tác trình Ban Thường vụ Công đoàn VNPT phê duyệt phương án hợp nhất, chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi VNPT TTP mới đi vào hoạt động; hồ sơ gồm: Phương án hợp nhất và phê duyệt của Đảng ủy VNPT TTP mới.

* **Bước 4:** Công đoàn VNPT ra quyết định hợp nhất gồm: tên gọi, trụ sở làm việc, mô hình tổ chức bộ máy, số lượng đoàn viên công đoàn, số lượng ủy viên BCH, BTV, ủy viên UBKT, chủ tịch, phó chủ tịch CĐCS; quyết định về việc chỉ định BCH, BTV, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, UBKT và chủ nhiệm UBKT CĐCS, chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ của đơn vị.

* **Bước 5:** CĐCS VNPT TTP mới ra quyết định thành lập CĐCSTV, CĐBP và Tổ CĐ; quyết định các chức danh cán bộ công đoàn tại đơn vị trực thuộc, chậm nhất sau 05 làm việc sau khi có Quyết định hợp nhất, chỉ định BCH, BTV, UBKT của Công đoàn VNPT.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Công đoàn VNPT

- Quyết định thành lập Tổ công tác xây dựng phương án hợp nhất Công đoàn VNPT TTP.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các CĐCS thực hiện sắp xếp, hợp nhất theo kế hoạch (Đầu mối liên hệ: Ban chính sách: Đ/c Nguyễn Thị Thúy, Trưởng Ban Chính sách Công đoàn VNPT, SĐT: 0911.335959. Ban Tuyên giáo: Đ/c Bùi Ngọc Linh, Trưởng Ban, SĐT: 0913.565656; Bộ phận Tài chính: Đ/c Tạ Hồng Quang, KTT, SĐT: 0913311234).

- Ban hành Quyết định hợp nhất và chỉ định BCH, BTV, UBKT, chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch, Chủ nhiệm UBKT Công đoàn VNPT TTP sau hợp nhất.

3.2. Các công đoàn cơ sở

a. Đối với 11 CĐCS VNPT TTP không thực hiện hợp nhất và 36 CĐCS các tổng công ty, công ty, bệnh viện, cơ quan tập đoàn, trung tâm phát triển nguồn nhân lực và khối công ty cổ phần:

Nhanh chóng thực hiện các nội dung hướng dẫn tại mục 2.1 để ổn định tổ chức, duy trì hiệu quả hoạt động công đoàn các cấp.

b. Đối với các Công đoàn VNPT TTP thực hiện hợp nhất:

- Tiếp tục duy trì hoạt động cho đến khi Công đoàn VNPT có quyết định hợp nhất, chỉ định BCH, BTV, UBKT và các chức danh cán bộ Công đoàn VNPT TTP mới sau hợp nhất; đảm bảo không bị gián đoạn hoạt động công đoàn các cấp trước, trong và sau hợp nhất.

- Phối hợp với Tổ công tác xây dựng, trình duyệt phương án hợp nhất theo hướng dẫn của Công đoàn VNPT.

- Triển khai bàn giao tổ chức, đoàn viên, tài chính công đoàn đúng quy định (Mẫu biên bản tại Phụ lục số 5).

- Công tác tài chính công đoàn thực hiện theo văn bản 372/CĐVNPT-TC ngày 18/6/2025 về việc quyết toán TCCĐ 6 tháng đầu năm và những lưu ý về tài chính công đoàn trong quá trình hợp nhất trong 6 tháng cuối năm 2025.

- Thời điểm bàn giao, tiếp nhận tài chính công đoàn: Tại thời điểm có Quyết định hợp nhất Công đoàn VNPT TTP, tài chính công đoàn bàn giao là số liệu tài

chính công đoàn tích lũy cuối kỳ (theo hướng dẫn của Công đoàn VNPT); Đơn vị nhận bàn giao phân công tạm thời cán bộ phụ trách công tác tài chính công đoàn để triển khai thực hiện tiếp nhận bàn giao tài chính công đoàn.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi có Quyết định hợp nhất các đơn vị triển khai ngay thủ tục để đăng ký con dấu: (1) Đối với các đơn vị có con dấu do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH Công an tỉnh, thành phố cấp: thực hiện thủ tục bàn giao con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu về nơi cấp dấu; gửi giấy chứng nhận thu hồi con dấu do công an cấp về Công đoàn VNPT. (2) Đối với các đơn vị có con dấu do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp: Gửi con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu về Công đoàn VNPT để thực hiện thủ tục bàn giao con dấu cũ. (3) Công đoàn VNPT sẽ thực hiện thủ tục đăng ký mẫu con dấu mới cho 23 Công đoàn VNPT TTP sau hợp nhất.

CÔNG ĐOÀN VNPT

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRỰC THUỘC CÔNG ĐOÀN VNPT
(Sau sắp xếp, hợp nhất)

I. Các Công đoàn VNPT TTP thực hiện hợp nhất: 23 CĐCS

STT	Công đoàn cơ sở trước hợp nhất		Công đoàn cơ sở sau hợp nhất	
	Công đoàn cơ sở	Số đoàn viên	Công đoàn cơ sở	Số đoàn viên
1.	VNPT An Giang	315	VNPT An Giang <i>(trụ sở tại Kiên Giang cũ)</i>	1.018
	VNPT Kiên Giang	703		
2.	VNPT Bắc Ninh	442	VNPT Bắc Ninh <i>(trụ sở tại Bắc Giang cũ)</i>	900
	VNPT Bắc Giang	458		
3.	VNPT Cà Mau	605	VNPT Cà Mau <i>(trụ sở tại Cà Mau)</i>	931
	VNPT Bạc Liêu	326		
4.	VNPT Cần Thơ	448	VNPT Cần Thơ <i>(trụ sở tại Cần Thơ)</i>	1.135
	VNPT Sóc Trăng	437		
	VNPT Hậu Giang	250		
5.	VNPT Đà Nẵng	579	VNPT Đà Nẵng <i>(trụ sở tại Đà Nẵng)</i>	1.069
	VNPT Quảng Nam	490		
6.	VNPT Đắk Lắk	708	VNPT Đắk Lắk <i>(trụ sở tại Đắk Lắk)</i>	1.046
	VNPT Phú Yên	338		
7.	VNPT Đồng Nai	839	VNPT Đồng Nai <i>(trụ sở tại Đồng Nai)</i>	1.372
	VNPT Bình Phước	503		
8.	VNPT Đồng Tháp	540	VNPT Đồng Tháp <i>(trụ sở tại Tiền Giang cũ)</i>	1.053
	VNPT Tiền Giang	513		
9.	VNPT Hải Phòng	843	VNPT Hải Phòng <i>(trụ sở tại Hải Phòng)</i>	1.329
	VNPT Hải Dương	486		
10.	VNPT Hưng Yên	343	VNPT Hưng Yên <i>(trụ sở tại Hưng Yên)</i>	765
	VNPT Thái Bình	422		
11.	VNPT Gia Lai	391	VNPT Gia Lai <i>(trụ sở tại Bình Định cũ)</i>	762
	VNPT Bình Định	371		
12.	VNPT Khánh Hòa	577	VNPT Khánh Hòa <i>(trụ sở tại Khánh Hòa)</i>	872
	VNPT Ninh Thuận	295		
13.	VNPT Lào Cai	344	VNPT Lào Cai <i>(trụ sở tại Yên Bái cũ)</i>	637
	VNPT Yên Bái	293		
14.	VNPT Lâm Đồng	581	VNPT Lâm Đồng <i>(trụ sở tại Lâm Đồng)</i>	1.279
	VNPT Bình Thuận	452		
	VNPT Đắk Nông	246		
15.	VNPT Ninh Bình	378	VNPT Ninh Bình <i>(trụ sở tại Ninh Bình)</i>	1.239
	VNPT Hà Nam	394		
	VNPT Nam Định	467		

16.	VNPT Phú Thọ	404	VNPT Phú Thọ (trụ sở tại Phú Thọ)	1.174
	VNPT Vĩnh Phúc	413		
	VNPT Hòa Bình	357		
17.	VNPT Quảng Ngãi	378	VNPT Quảng Ngãi (trụ sở tại Quảng Ngãi)	602
	VNPT Kon Tum	224		
18.	VNPT Quảng Trị	390	VNPT Quảng Trị (trụ sở tại Quảng Bình cũ)	875
	VNPT Quảng Bình	485		
19.	VNPT TP Hồ Chí Minh	2.447	VNPT TP Hồ Chí Minh (trụ sở tại TP.HCM)	3.804
	VNPT Bình Dương	869		
	VNPT Bà Rịa - Vũng Tàu	488		
20.	VNPT Tây Ninh	476	VNPT Tây Ninh (trụ sở tại Long An cũ)	1.218
	VNPT Long An	742		
21.	VNPT Thái Nguyên	406	VNPT Thái Nguyên (trụ sở tại Thái Nguyên)	596
	VNPT Bắc Kạn	190		
22.	VNPT Tuyên Quang	240	VNPT Tuyên Quang (trụ sở tại Tuyên Quang)	491
	VNPT Hà Giang	251		
23.	VNPT Vĩnh Long	353	VNPT Vĩnh Long (trụ sở tại Vĩnh Long)	1.117
	VNPT Bến Tre	382		
	VNPT Trà Vinh	382		

II. CĐCS VNPT tỉnh, thành phố không thực hiện hợp nhất và các đơn vị còn lại: 47 CĐCS

STT	Công đoàn cơ sở	Số đoàn viên
1.	VNPT Lai Châu	202
2.	VNPT Điện Biên	269
3.	VNPT Sơn La	340
4.	VNPT Cao Bằng	354
5.	VNPT Lạng Sơn	331
6.	VNPT Quảng Ninh	535
7.	VNPT Hà Nội	3.606
8.	VNPT Nghệ An	1.016
9.	VNPT Hà Tĩnh	474
10.	VNPT Huế	496
11.	VNPT Thanh Hóa	1.145
12.	TCT Dịch vụ Viễn thông VNPT-Vinaphone	1.754
13.	TCT Truyền thông VNPT-Media	808
14.	TCT Hạ Tầng mạng VNPT-Net	2.684
15.	Công ty VNPT IT	2.218

16.	Công đoàn Cơ quan Tập đoàn BCVTVN	296
17.	Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực	48
18.	Bệnh viện Bưu điện	959
19.	Bệnh viện Đa khoa Bưu điện	302
20.	C.ty CP Công nghệ Công nghiệp BCVT (VNPT Technology)	1.359
21.	Công ty CP Quản lý và Khai thác tòa nhà VNPT (PMC)	1.346
22.	Công ty CP Thiết bị Bưu điện (POSTEF)	330
23.	Công ty CP Viễn thông Tin học Bưu điện (CT-IN)	312
24.	Công ty CP Viễn thông điện tử VINACAP	148
25.	Công ty CP Dịch vụ VT và In Bưu điện (PTP)	108
26.	Công ty CP Viễn thông (VTC)	93
27.	Công ty CP KASATI	79
28.	Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bưu điện (PCM)	78
29.	Công ty CP Những Trang Vàng Việt Nam	68
30.	Công ty TNHH MTV Cáp quang FOCAL	64
31.	Công ty CP Đầu tư PT Công nghệ và TT (NEO)	61
32.	Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam	61
33.	Công ty CP Cáp quang Việt Nam (VINA-OFC)	51
34.	Công ty CP Phát triển công trình VT (TELCOM)	50
35.	Công ty CP Vật tư Bưu điện (POTMASCO)	48
36.	Công ty CP COKYVINA	35
37.	Công ty CP Truyền thông Quảng cáo Đa phương tiện (Smart Media)	34
38.	Công ty CP các Hệ thống Viễn thông (VINECO)	34
39.	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và XD BD (PTICO)	31
40.	Công ty CP các hệ thống VT VNPT – FUJITSU (VFT)	31
41.	Công ty TNHH VKX	30
42.	Công ty CP Công nghệ Viễn thông (VITECO)	20
43.	Công ty CP Hạ tầng và Dịch vụ Việt Nam (VNISCO)	18
44.	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng BD (PTIC)	Dừng HĐ
45.	Công ty CP Điện nhẹ Viễn thông (LTC)	Dừng HĐ
46.	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST)	Dừng HĐ
47.	Công ty CP Công nghệ Cáp quang và Thiết bị Bưu điện (TFP)	Dừng HĐ

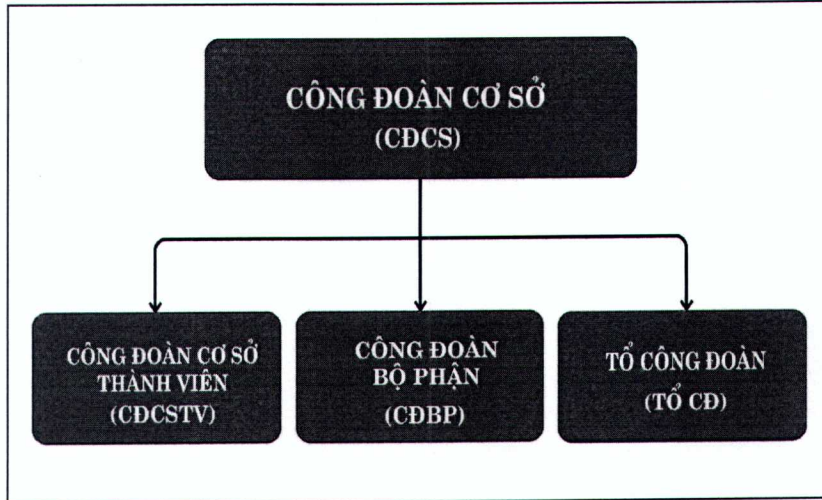
(Ghi chú: Số liệu đoàn viên công đoàn cập nhật đến ngày 31/5/2025, bao gồm cả lao động thuê lại)

PHỤ LỤC 2

Mô hình tổ chức và điều kiện thành lập Công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn

1. Mô hình tổ chức CĐCS:

Mô hình tổ chức của CĐCS (dạng tổng thể, đầy đủ)



2. Điều kiện thành lập:

2.1. Công đoàn cơ sở có dưới 30 đoàn viên: Không thành lập CĐCSTV, CĐBP, có thể thành lập Tổ CĐ.

2.2. Công đoàn cơ sở có từ 30 đoàn viên trở lên: Được xem xét thành lập CĐCSTV, CĐBP, Tổ CĐ, khi có đủ điều kiện sau:

- CĐCSTV là công đoàn trực thuộc CĐCS; được thành lập ở đơn vị thành viên của đơn vị/doanh nghiệp, khi có từ 3 CĐBP, Tổ CĐ trở lên.

- CĐBP là công đoàn trực thuộc CĐCS/CĐCSTV, được thành lập khi có từ 3 Tổ CĐ trở lên.

- Tổ CĐ: là công đoàn trực thuộc CĐCS/CĐCSTV/CĐBP và do BCH công đoàn cơ sở quyết định thành lập khi có từ 5 đoàn viên trở lên;

*** Lưu ý:**

Các đơn vị căn cứ phạm vi, quy mô và mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh để lựa chọn áp dụng mô hình CĐCS phù hợp. Các đơn vị có thể xem xét áp dụng mô hình đầy đủ bao gồm CĐCSTV, CĐ Bộ phận, Tổ CĐ, hoặc mô hình rút gọn chỉ gồm CĐCSTV/CĐ bộ phận/Tổ CĐ.

PHỤ LỤC 3
Số lượng BCH CĐCS, CĐCSTV, CDBP và Tổ trưởng, Tổ phó CĐ
Và cán bộ công đoàn chuyên trách

I. Số lượng ủy viên BCH, BTV, UBKT

1. Đối với CĐCS:

- Số lượng UVBCH: từ 3 đến 17 ủy viên BCH tùy theo quy mô đoàn viên.
- Số lượng UVBTV: BCH CĐCS có từ 9 ủy viên trở lên, được bầu BTV, tối đa 1/3 số UVBCH.
- Có Chủ tịch và 1 đến 2 Phó chủ tịch tùy quy mô đoàn viên.
- Số lượng UVUBKT: từ 3-5 ủy viên và có 01 Chủ nhiệm UBKT là UVBCH CĐCS.

2. Đối với CĐCSTV, CDBP và Tổ CĐ:

- Số lượng UVBCH CĐCSTV: từ 3-15 ủy viên; gồm Chủ tịch, 1 đến 2 Phó chủ tịch và các ủy viên.
- Số lượng UVBCH CDBP: từ 3-7 ủy viên; gồm Chủ tịch và các ủy viên.
- Tổ CĐ: gồm Tổ trưởng và 1 đến 2 Tổ phó (nếu có), tùy thuộc quy mô đoàn viên.
- Cơ cấu, số lượng phù hợp với đặc thù từng đơn vị. Trong đó, đối với chức danh Chủ tịch CĐCSTV/CDBP, Tổ trưởng Tổ CĐ: ưu tiên lựa chọn các đồng chí cấp phó của người đứng đầu chuyên môn cùng cấp để đảm bảo năng lực điều hành tổ chức cũng như đồng hành cùng chuyên môn trong triển khai các phong trào thi đua hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

II. Quy định của CĐ VNPT về số lượng UV BCH, UV UBKT CĐCS

TT	Tiêu chí xây dựng số lượng UV BCH, UV UBKT CĐCS	Số lượng tối đa	
		Ủy viên BCH	Ủy viên UBKT
1.	Dưới 30 đoàn viên	03	Cử 1 UV BCH làm công tác kiểm tra
2.	Từ 30 đến dưới 150 đoàn viên	07	03
3.	Từ 150 đến dưới 500 đoàn viên	11	03
4.	Từ 500 đến dưới 1.000 đoàn viên	13	03
5.	Từ 1.000 đến dưới 3.000 đoàn viên	15	03
6.	Từ 3.000 đến dưới 7.000 đoàn viên	17	05

Trong trường hợp cần thiết, số lượng UV BCH có thể tăng thêm nhưng không vượt quá 10% so với qui định trên.

III. Quy định về cán bộ công đoàn chuyên trách

Thực hiện theo Quyết định số 395/2002/QĐ-TLĐ ngày 06/3/2002 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc qui định số lượng cán bộ công đoàn chuyên trách tại Công đoàn cơ sở, cụ thể như sau:

- + Có từ 500 đến dưới 1000 đoàn viên: có thể bố trí 1 cán bộ công đoàn chuyên trách.
- + Có từ 1000 đến dưới 2000 đoàn viên: có thể bố trí 2 cán bộ công đoàn chuyên trách.
- + Có trên 2000 đoàn viên: có thể bố trí không quá 3 cán bộ công đoàn chuyên trách.

PHỤ LỤC 4

(Mẫu Tờ trình hợp nhất)

CÔNG ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ CÔNG TÁC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CĐ VNPT TTP A và CĐ VNPT TTP B...

....., ngày tháng năm

Số: /TTr-CĐVNPT....

TỜ TRÌNH**Về việc hợp nhất Công đoàn VNPT TTP... với Công đoàn VNPT TTP...
thành Công đoàn VNPT TTP... (mới) trực thuộc Công đoàn VNPT**

Kính gửi: Ban Thường vụ Công đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số... /QĐ-CĐVNPT-CS ngày....tháng....năm... của Công đoàn VNPT về việc ban hành Phương án sắp xếp, hợp nhất các công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn VNPT;

Căn cứ Quyết định thành lập Tổ công tác....;

Căn cứ....;

Tổ công tác xây dựng Phương án hợp nhất Công đoàn VNPT TTP... (mới) kính trình BTV Công đoàn VNPT xem xét, quyết định, cụ thể như sau:

I. Tình hình tổ chức, hoạt động các CĐ VNPT TTP trước khi hợp nhất**1. Công đoàn VNPT TTP A**

a. Số đoàn viên:

- Tổng số ĐV là lao động chính thức
- Tổng số ĐV là lao động thuê lại

b. Về tổ chức bộ máy

Số CDCSTV, CDBP, Tổ CĐ

c. Cán bộ công đoàn:

- Công đoàn VNPT TTP

+ Ủy viên BCH

+ Ủy viên BTV

+ Ủy viên UBKT

+ Chủ tịch

+ Phó chủ tịch

+ Cán bộ công đoàn chuyên trách (nếu có)

- Công đoàn cơ sở thành viên: tổng số UVBCH, Chủ tịch, Phó chủ tịch

- Công đoàn bộ phận: Tổng số UVBCH, Chủ tịch, Phó chủ tịch

- Tổ trưởng/Tổ phó công đoàn

d. Tài chính, tài sản công đoàn

2. Công đoàn VNPT TTP B

Nội dung tương tự như trên mục 1.

3. Công đoàn VNPT TTP C (nếu có)

Nội dung tương tự như trên mục 1
(Có thể kẻ bảng, hoặc làm phụ lục cho phù hợp).

II. Kết quả hợp nhất

1. Tên gọi:
2. Trụ sở làm việc:
3. Mô hình tổ chức:
 - Các CDCSTV/CĐBP/Tổ CĐ:
4. Số lượng đoàn viên: tổng số đoàn viên của các đơn vị hợp nhất.
5. Tài chính, tài sản Công đoàn: là tổng số tài chính, tài sản kết dư (số tạm tính) của các đơn vị vào thời điểm hợp nhất.
6. Phương hướng cấu tạo nhân sự BCH, BTV, UBKT
 - 6.1. Đối với Công đoàn VNPT TTP

(Phương hướng cấu tạo nhân sự BCH, BTV, UBKT và các chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch, Chủ nhiệm UBKT theo hướng dẫn số 453/HD-CĐVNPT ngày 11/8/2022 về công tác nhân sự Đại hội công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2023-2028 và công văn số 938/CĐVNPT-CS ngày 11/12/2024 về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của tổ chức công đoàn. Về số lượng theo hướng dẫn tại Phụ lục 3).

 - a. Đối với BCH, BTV (bao gồm các ủy viên và chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch)
 - Tiêu chuẩn
 - Điều kiện
 - Số lượng và cơ cấu
 - b. Đối với UBKT (bao gồm các ủy viên, Chủ nhiệm UBKT)
 - Tiêu chuẩn
 - Điều kiện
 - Số lượng và cơ cấu
 - 6.2. Đối với các CDCSTV, CĐBP, Tổ CĐ
 - a. Số lượng các CDCSTV/CĐBP/Tổ CĐ trực thuộc Công đoàn VNPT TTP
 - b. Tên gọi: danh sách cụ thể
 - c. Số lượng cán bộ Công đoàn tương ứng với các đơn vị tại mục a.
 - 6.3. Cán bộ công đoàn chuyên trách (nếu có): số lượng và danh sách.

Nơi nhận:

- BTV CĐ VNPT;
- ĐU VNPT TTP mới;
- CĐ VNPT các TTP hợp nhất;
- Lưu Tổ CT.

Số EOF: /VBĐT

**TM. TỔ CÔNG TÁC
TỔ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn C
Chủ tịch Công đoàn VNPT TTP...

PHỤ LỤC 5

CÔNG ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG ĐOÀN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BBBG-CD.....

....., ngày tháng năm 2025

BIÊN BẢN BÀN GIAO**Tổ chức, hoạt động, tài chính công đoàn****Công đoàn VNPT TTP về Công đoàn VNPT TTP...**

Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-CDVNPT-CS ngày .../.../2025 của Công đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành phương án sắp xếp, hợp nhất công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn VNPT;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-CDVNPT-CS ngày .../.../2025 của Công đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc hợp nhất Công đoàn VNPT TTP... trực thuộc Công đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-CDVNPT-CS ngày.../.../2025 của Ban Thường vụ Công đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc chỉ định BCH, BTV, UBKT và các chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch, Chủ nhiệm UBKT Công đoàn VNPT...;

Căn cứ Thông báo số /TB-CDVNPT ngày / /2025 của Công đoàn VNPT về việc phê duyệt Quyết toán TCCĐ 6 tháng đầu năm 2025 của Công đoàn VNPT TTP và Quyết toán TCCĐ Quý...../Quyết toán TCCĐ tại thời điểm 30/9/2025 của Công đoàn VNPT TTP

Ngày ... tháng ... năm 2025, hai bên đã tiến hành bàn giao tổ chức, hoạt động, tài chính công đoàn, cụ thể như sau:

A. BÊN GIAO: CÔNG ĐOÀN VNPT....

- Đại diện:

- Chức vụ:

B. BÊN NHẬN: CÔNG ĐOÀN VNPT

- Đại diện:

- Chức vụ:

C. NỘI DUNG CHUYỂN GIAO VÀ TIẾP NHẬN**I. Về tổ chức, hoạt động****1. Về tổ chức**

Chuyển giao số đoàn viên công đoàn như sau:

- Tổng số lao động: người, trong đó có lao động nữ.

Trong đó lao động chính thức:.....người, lao động thuê lại:.....người.

- Số lượng đoàn viên: đoàn viên, trong đó có đoàn viên nữ.
Trong đó đoàn viên là lao động chính thức:.....người, đoàn viên là lao động
thuê lại:.....người.

- Cán bộ công đoàn chuyên trách:.....(nếu có).

2. Hoạt động đang triển khai năm 2025 (nếu có):

3. Hồ sơ, tài liệu bàn giao (nếu có): về tài chính, tổ chức, chính sách, thi đua...

.....

II. Về tài chính công đoàn

1. Thời điểm bàn giao: Số liệu quyết toán tại thời điểm.../.../2025.

2. Số liệu bàn giao

2.1. Công đoàn VNPT..... bàn giao cho Công đoàn VNPT tài chính tích
lũy thời điểm.../.../2025 là: đồng (theo thông báo phê duyệt quyết toán
số.../TB-CĐVNPT của Công đoàn VNPT và theo báo cáo quyết toán Quý ... / 9
tháng đầu năm 2025 của BCH Công đoàn VNPT TTP).

2.2. Bàn giao công nợ về tài chính công đoàn (nếu có):

- Công nợ phải thu (kinh phí, đoàn phí công đoàn)
- Công nợ phải trả (công nợ, nghĩa vụ phải trả đối tác...)

2.3. Công cụ, dụng cụ (nếu có): *máy tính, máy ảnh, máy quay, máy in, công
cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao....*

2.4. Số bàn giao nguồn quỹ khác (nếu có):

Tổng số tiền bàn giao được chuyển về tài khoản của Công đoàn....., thông
tin chuyển khoản như sau:

.....

III. Các nội dung khác

.....

Sau khi chuyển giao và tiếp nhận, nếu có vấn đề gì phát sinh các bên có liên
quan có trách nhiệm phối hợp cùng bàn bạc, giải quyết.

Biên bản này được lập thành ... bản, bên giao lưu 02 bản, bên nhận lưu 02
bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
TM. BTV CĐVNPT...
CHỦ TỊCH

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
TM. BTV CĐ VNPT ...
CHỦ TỊCH